

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mơi
Bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST - DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST - DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh - Sinh năm 1970

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá V - Sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn C - Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Tr - Phó Giám đốc Ngân hàng Bắc Á- Chi nhánh Thanh Hóa (Giấy ủy quyền số 962 ngày 26/02/2019).

Tại phiên tòa có mặt chị Nh, anh V và ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1991, tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại khu phố A, phường Đ,

thành phố H. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có niềm tin và bạo hành gia đình. Nay chị Nh xác định tình cảm giữa chị và anh V không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Bá V.

- *Về con chung*: Chị và anh Nguyễn Bá V có 02 con chung là cháu Nguyễn Hạnh Tr, sinh ngày 10/6/1995 và cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 06/10/2001. Hiện nay cháu Tr đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết. Nguyên vọng của Chị khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

- *Về tài sản chung*:

Chị và anh Nguyễn Bá V có khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018. Chị đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ: Ngày 23/5/2018, Chị và anh Nguyễn Bá V ký Hợp đồng tín dụng số 147558 với Ngân hàng TMCP B. Theo đó, vợ chồng chị có vay của ngân hàng TMCP B số tiền 150.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng chị đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 300071/2018 ngày 23/5/2018 và Văn bản cam kết ngày 23/5/2018 tại văn phòng Công chứng T để thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND TP H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018. Tính đến ngày 27/8/2019 còn nợ số tiền gốc là 119.661.188đ, số tiền lãi hàng tháng chị vẫn trả đúng hạn. Nay vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án chia đôi số nợ trên.

Tại phiên tòa, chị Nh đề nghị về tài sản chung của vợ chồng không thể chia đôi bằng hiện vật được vì không đủ diện tích để cấp GCNQSD đất theo quy định nên ai nhận tài sản bằng nhà đất thì có nghĩa vụ trả cho người kia ½ giá trị tài sản. Chị đồng ý nhận tiền còn để lại nhà và đất cho anh V sử dụng; Về công nợ: Chị đề nghị Tòa án buộc mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Bá V trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh V thống nhất như ý kiến trình bày của chị Nh về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh V trình bày do chị Nh không chăm sóc gia đình, luôn đi chơi vắng nhà liên tục cả ngày lẫn đêm. Mặc dù anh khuyên ngăn rất nhiều nhưng chị Nh không nghe, vẫn chứng nào tật nấy. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

- *Về con chung*: Anh V thống nhất với chị Nh về con chung, tên và ngày tháng năm sinh. Nguyên vọng của anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bá T và không yêu cầu chị Nh phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ*:

Anh và chị Nh có khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án chia đôi nhà đất theo chiều dọc, anh xin được nhận phần đất phía giáp đất của cháu Tr con gái anh. Tại phiên tòa, anh V không đồng ý chia tài sản cho chị Nh với lý do chị Nh muốn ly hôn thì phải ra đi khỏi nhà tay không.

Về công nợ: Ngày 23/5/2018, vợ chồng anh có ký Hợp đồng tín dụng số 147558 với Ngân hàng TMCP B. Theo đó, vợ chồng anh có vay của ngân hàng số tiền 150.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng anh đã ký hợp đồng thế chấp số 300071/2018 ngày 23/5/2018 và Văn bản cam kết ngày 23/5/2018 tại văn phòng Công chứng T thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018. Đối với khoản nợ này, anh V cho rằng đây là nợ riêng giữa chị Nh với con gái vay tiền để xây nhà trọ cho con gái nên anh không chịu trách nhiệm với khoản nợ này mà cháu Nguyễn Hạnh Tr phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 23/5/2018 Ngân hàng TMCP B và anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Nh đã ký Hợp đồng tín dụng số 147558/2018/HĐTD-BacABank. Theo đó Ngân hàng TMCP cho anh Nguyễn Bá V, chị Nguyễn Thị Nh vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) kèm theo Khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bù đắp chi phí mua sắm đồ dùng gia đình; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 09%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; thời hạn vay 60 tháng. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi quý là 7.500.000đ. Bên vay phải trả tiền lãi cho ngân hàng theo định kỳ 1 tháng /lần vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh Nguyễn Bá V và chị Nguyễn Thị Nh đã ký Hợp đồng thế chấp số 300071/2018/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2018 và Văn bản cam kết ngày 23/5/2018 tại văn phòng Công chứng T, tỉnh Thanh Hóa, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh V, chị Nh vẫn trả lãi và gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký nhưng nay anh V, chị Nh đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nên theo mục 12.1,6 Điều 12 của hợp đồng, Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn khi bên vay ly hôn hoặc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tính đến ngày 27/8/2019, anh V, chị Nh đang còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là 119.661.188đ.

Nay Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V, chị Nh phải thanh toán cho BacABank toàn bộ số tiền nợ gốc trên và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng đã ký. Đồng thời: Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi anh V, chị Nh thực tế thanh toán hết nợ cho BacABank; Nếu anh V, chị Nh không trả nợ cho Ngân hàng theo yêu cầu thì đề nghị Tòa án tuyên BacABank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho BacABank là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 300071/2018/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2018 và Văn bản cam kết ngày 23/5/2018 tại văn phòng Công chứng T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị Nh có đơn đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng định giá để định giá tài sản chung của vợ chồng.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 18/6/2019 xác định:

1. Về đất: Đất ở; Diện tích: 60m²; Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Đất vườn; Diện tích: 62,6m²; Thời hạn sử dụng đất: 31/12/2059.

- Phía Đông giáp đất nhà ông Th dài 7,7m
- Phía Tây giáp ngõ đi chung.
- Phía Nam giáp đất nhà ông M: 7,56-5,41m.
- Phía Bắc giáp đất nhà chị Hạnh Tr dài 13,95m.

Hội đồng định giá căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về quy định bảng giá đất thời kỳ 2015- 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để định giá:

Giá đất ở: 60m² x 2.500.000đồng/1m² = 150.000.000đ.

Giá đất vườn: 62,6m² x 1.250.000đồng/1m² = 78.250.000đ.

Tổng cộng: 228.250.000đ.

Hội đồng định giá Áp theo giá thị trường thời điểm tháng 6 năm 2019 là:

Giá đất ở: 60m² x 6.000.000đồng/1m² = 360.000.000đ.

Giá đất vườn: 62,6m² x 3.000.000đồng/1m² = 187.800.000đ.

Tổng cộng: 547.800.000đ.

2. Về công trình xây dựng trên đất:

Áp giá theo Quyết định 4925/2016/QĐ-UNND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa:

- Nhà ở xây 2 tầng, xây dựng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 110, vệ sinh khép kín, tường sơn, hệ thống điện đầy đủ, nhà xây năm 2011.

Diện tích xây dựng: 212,8m² x 4.200.000đ x 70% = 625.632.000đ.

- Khung mái tôn không xây tường, nền láng xi măng:

Diện tích 24,4m² x 3.000.000đ/1m² = 5.124.000đ.

Tổng cộng: 630.756.000đ.

Tổng giá trị tài sản nhà và đất theo giá thị trường thời điểm tháng 6 năm 2019 là: 547.800.000đ + 630.756.000đ = 1.178.556.000đ.

(Một tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Tại phiên tòa, chị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện. Ngân hàng TMCP B giữ nguyên nội dung yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 33; Khoản 1 Điều 37; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 59; Điều 62; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bá T cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản, công nợ: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Nh; Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng B.

Giao cho anh Nguyễn Bá V được quyền sở hữu và sử dụng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 264, tờ bản đồ số 01 địa chỉ phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018.

Anh Nguyễn Bá V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 119.661.118đ và lãi phát sinh.

Anh Nguyễn Bá V có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Nh số tiền bằng 1/2 giá trị tài sản sau khi trừ đi khoản nợ gốc của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Bá V có hộ khẩu thường trú trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thành phố H thụ lý, xét xử vụ án là đúng quy định.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá V kết hôn năm 1991, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh V không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị Nh không còn tình cảm với anh V, vợ chồng đã sống ly thân, không can thiệp đến cuộc sống của nhau. Anh V cũng thừa nhận chị Nh không chăm sóc gia đình, luôn đi chơi vắng nhà liên tục cả ngày lẫn đêm. Mặc dù anh khuyên ngăn rất nhiều nhưng chị Nh không nghe, vẫn chứng nào tật nấy. Do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị Nh cho anh V thêm cơ hội, vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị Nh vẫn cương quyết xin được ly hôn anh V vì không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị Nh và anh V không thể hàn gắn được nữa. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Bá V là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá V thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Hạnh Tr, sinh ngày 10/6/1995 và cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 06/10/2001. Hiện nay cháu Tr đã thành niên nên anh, chị không yêu cầu giải quyết. Chị Nh và anh V đều mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị Nh yêu cầu anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ còn anh V không yêu cầu chị Nh phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các bên đương sự thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song việc giao con cho ai nuôi cần xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con trẻ. Tại bản tự khai, cháu Nguyễn Bá T khai nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Thấy đây là nguyện vọng chính đáng của cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Căn cứ mức sống bình quân trên địa bàn thành phố H hiện nay, anh V có khả năng lao động và có thu nhập nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/ 1 tháng của chị Nh là phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị Nh, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ từ khi xét xử sơ thẩm cho đến lúc cháu T đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản, công nợ:

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá V thống nhất có khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 264, tờ bản đồ số 01 gồm là 122,6 m² đất (trong đó 60m² đất ở và 62,6m² đất vườn) và ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên đất tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018.

Tổng giá trị tài sản nhà và đất theo giá thị trường thời điểm tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản là: 547.800.000đ + 630.756.000đ = 1.178.556.000đ.

(Một tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

- Về công nợ:

Về hợp đồng tín dụng: Ngày 23/5/2018 Ngân hàng TMCP Bắc B và anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Nh đã ký Hợp đồng tín dụng số 147558/2018/HĐTD-BacABank. Theo đó Ngân hàng TMCP B cho anh Nguyễn Bá V, chị Nguyễn Thị Nh vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) kèm theo Khế ước nhận nợ.

Do anh V, chị Nh ly hôn nên Ngân hàng TMCP B yêu cầu trả nợ trước hạn theo hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 27/8/2019 anh V, chị Nh còn nợ ngân hàng tiền gốc là 119.661.188đ.

Việc Ngân hàng yêu cầu anh V, chị Nh thanh toán toàn bộ số nợ trên trước hạn là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 147558/2018/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 23/5/2018, phù hợp với Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo cho khoản vay các bên đã ký Hợp đồng thế chấp số 300071/2018/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2018 và Văn bản cam kết ngày 23/5/2018. Theo Hợp đồng, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Các tài sản gắn liền với thửa đất tại văn bản cam kết ngày 23/5/2018 là ngôi nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng là 200m², kết cấu bê tông cốt thép, hoàn thành xây dựng năm 2011.

Việc thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật. Theo quy định pháp luật và cam kết trong Hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP B là phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

Anh V không đồng ý chia đôi số nợ này, anh cho rằng số tiền này vợ chồng anh vay đưa cho con gái xây nhà trọ, cháu Tr phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ này nhưng anh không chứng minh được việc cho cháu Tr vay tiền. Cháu Nguyễn Hạnh Tr có đơn đề nghị với nội dung không liên quan đến khoản vay ngân hàng của bố mẹ. Do đó không có căn cứ để xem xét.

Đối với khối tài sản chung, theo nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, tuy nhiên đối với diện tích đất chung của anh chị không thể chia đôi bằng hiện vật, do đó cần xem xét đến nhu cầu cần thiết đối với nơi ở. Tại phiên tòa, chị Nh đề nghị về tài sản chung vợ chồng, ai nhận tài sản thì có nghĩa vụ trả cho người kia ½ giá trị tài sản và đề nghị áp giá tài sản theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án. Tại biên bản hòa giải, anh V có yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản bằng đất chia theo chiều dọc của thửa đất. Chị Nh đồng ý nhận tiền còn để nhà đất cho anh V sử dụng. Xét thấy đề nghị của chị Nh là phù hợp với nguyện vọng của anh V nên chấp nhận. Do chị Nh và anh V đang nợ Ngân hàng B số tiền 119.661.188đ, do đó anh chị có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền này trước khi chia tài sản chung.

Tổng giá trị tài sản nhà và đất theo giá thị trường thời điểm tháng 6 năm 2019 là 1.178.556.000đ, được trừ đi số tiền nợ ngân hàng là 119.661.188đ. Còn lại là 1.058.894.812đ được chia đôi. Do anh V được nhận tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nên anh V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B số tiền 119.661.188đ và trả cho chị Nh số tiền 529.447.406đ .

Về chi phí định giá tài sản tranh chấp, chị Nguyễn Thị Nh có đơn yêu cầu định giá tài sản, tự nguyện nộp chi phí. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Nh phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; án phí đối với phần tài sản được chia (án phí của 529.447.406đ) và án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung phải trả cho Ngân hàng (án phí của 59.830.594đ). Anh Nguyễn Bá V phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí đối với phần tài sản được chia (án phí của 529.447.406đ) và án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung phải trả cho Ngân hàng (án phí của 59.830.594đ) theo quy định tại điểm a,b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 /2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 33; Khoản 1 Điều 37; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 59; Điều 62; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a,b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Bá V.

Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá V có 02 con chung là cháu Nguyễn Hạnh Tr, sinh ngày 10/6/1995 và cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 06/10/2001. Cháu Tr đã thành niên nên không xem xét. Giao cháu Nguyễn Bá T cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 9 năm 2019 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Bá V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Nh; Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng B.

Giao cho anh Nguyễn Bá V được quyền sở hữu và sử dụng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 264, tờ bản đồ số 01 diện tích 122,6 m² (trong đó 60m² đất ở và 62,6m² đất vườn) tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018.

Anh Nguyễn Bá V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 119.661.188đ (Một trăm mười chín triệu, sáu trăm sáu mươi một ngàn, một trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh V phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 147558/2018/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2019.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thanh Hóa kê biên phát mại xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 01 tại phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị Nh được UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/5/2018.

Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 300071/2018/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2018 và Văn bản cam kết ngày 23/5/2018 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Bá V có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Nh số tiền giá trị tài sản là 529.447.406đ (Năm trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm linh sáu đồng).

Chị Nguyễn Thị Nh được nhận từ anh Nguyễn Bá V số tiền 529.447.406đ (Năm trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm linh sáu đồng).

Anh Nguyễn Bá V có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại GCNQSD đất nêu trên.

Kể từ ngày chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V chậm thi hành số tiền phải trả cho chị Nh thì anh V phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 25.177.000đ án phí chia tài sản; 2.991.000đ án phí nghĩa vụ tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006733 ngày 10/01/2019 và 6.875.000đ theo biên lai số AA/2017/0006734 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nh còn phải nộp số tiền 21.293.000đ.

Anh Nguyễn Bá V phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, 25.177.000đ án phí chia tài sản; 2.991.000đ án phí nghĩa vụ tài sản. Tổng cộng: 28.468.000đ.

Trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí 3.317.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006857 ngày 01/3/2019.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh